TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2043/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Đình N**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Bùi Văn Hòa, P. B, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Bảo T**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: tầng 6, chung cư AmberCourt, P. E, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/8/2019, ông Lê Đình N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với bà Nguyễn Bảo T. Lý do xin ly hôn, theo Ông N trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2017 ông và bà T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, TP. B (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 391, ngày 21/11/2017). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 phát sinh nhiều

mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên và ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay Ông N nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Theo bản tự khai của bà Nguyễn Bảo T trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như Ông N đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng ông sống lạnh nhạt với nhau, không còn quan tâm chia sẻ và do bất đồng quan điểm sống nên cãi nhau cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm như trước nữa và đã sống ly thân, nay bà đồng ý ly hôn với Ông N.

- Về con chung: Bà T và Ông N cùng xác định không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và Ông N xác định không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Ông N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Đình N xin ly hôn với bà Nguyễn Bảo T, nơi cư trú tại địa chỉ: Căn hộ số 06-7, tầng 6, chung cư AmberCourt, P. Thống Nhất, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn ông Lê Đình N và bị đơn bà Nguyễn Bảo T đều đã có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình N và bà Nguyễn Bảo T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, TP. B (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 391, ngày 21/11/2017), theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, Ông N nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà T, lý do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cả hai đã sống ly thân không còn sống chung. Nay Ông N nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T. Qua lời khai của bà T, bà cũng xác định tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn như trước, vì vậy bà T đồng ly hôn với Ông N.

Quá trình giải quyết vụ án, Ông N và bà T có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa Ông N và bà T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông N, giải quyết cho Ông N được ly hôn với bà T để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà T xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Đình N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của ông Lê Đình N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình N được ly hôn với bà Nguyễn Bảo T.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Lê Đình N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0000435 ngày 04/9/2019.

5. Ông Lê Đình N và bà Nguyễn Bảo T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);

- UBND phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương